

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH THANH**

Số: /UBND-VHXXH

V/v thông tin, tuyên truyền các văn bản
chỉ đạo của UBND tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Thanh, ngày tháng 8 năm 2026

Kính gửi:

- Trung tâm Công ích xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã.

Thực hiện công văn số 6268/SVHTTDL-BCXB ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau về việc thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh đề nghị:

1. Trung tâm công ích xã, Trang thông tin điện tử xã chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung theo phụ lục đính kèm; phối hợp với cơ quan liên quan lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của các hội đoàn thể, phong trào, cuộc vận động đang được triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung theo phụ lục đính kèm phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quản lý.

(Kèm theo phụ lục nội dung văn bản tuyên truyền).

Trên đây là công văn thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức có liên quan triển khai thực hiện tốt nội dung công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VHXXH (K).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Hữu Tính

PHỤ LỤC

(Kèm Công văn số /UBND-VHXXH ngày tháng 8 năm 2026
của UBND xã Vĩnh Thanh về việc thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

<i>STT</i>	<i>Số ký hiệu văn bản</i>	<i>Ngày ban hành</i>	<i>Trích yếu</i>	<i>Cơ quan ban hành</i>	<i>Nội dung trọng tâm tuyên truyền</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>(0)</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	Số 499/KH -UBND	19/8/2 026	Phòng, chống dịch bệnh động vật giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	UBND tỉnh	Tăng cường công tác truyền thông phòng, chống các bệnh trong phòng, chống dịch bệnh; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng, chống bệnh CGC, LMLM, DTLCP và các loại dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác ở động vật trên địa bàn tỉnh, để người dân và các cơ sở chăn nuôi chủ động áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh.	
2	Số 505/KH - UBND	20/8/2 026	Thực hiện Chương trình về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	UBND tỉnh	Về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phòng, chống bạo lực gia đình; xây dựng gia đình an toàn, yêu thương, không bạo lực.	

KẾ HOẠCH
**Thực hiện Chương trình về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa,
giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (*sau đây viết tắt là Kế hoạch*) với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch triển khai Chương trình về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác bảo vệ trẻ em; phòng ngừa, phát hiện sớm và can thiệp kịp thời đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bóc lột, trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình, nhà trường, doanh nghiệp và toàn xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, trách nhiệm, thời gian thực hiện và kết quả cần đạt, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, gia đình và cộng đồng trong công tác bảo vệ trẻ em; phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bóc lột, trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, phổ biến pháp luật; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, người sử dụng lao động, gia đình và toàn xã hội về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền thông và quản lý dữ liệu trẻ em.

- Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch; ưu tiên bố trí nguồn lực đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, khu vực có nguy cơ phát sinh lao động trẻ em và các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

II. PHẠM VI THỰC HIỆN VÀ THỜI GIAN ÁP DỤNG

1. Thời gian áp dụng: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm mọi trẻ em trên địa bàn tỉnh được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh; giảm thiểu trẻ em bị xâm hại và tạo cơ hội cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, trẻ em lao động trái quy định của pháp luật, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác được hòa nhập, phát triển toàn diện, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững liên quan đến trẻ em; nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em.

2. Các chỉ tiêu cơ bản phấn đấu đến năm 2030 (kèm theo Phụ lục I)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em

- Tổ chức triển khai công tác truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng vận động xã hội thực hiện quyền trẻ em, trách nhiệm về bảo vệ trẻ em theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khai thác thế mạnh của môi trường mạng đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, thiết thực và phù hợp với từng nhóm đối tượng, ưu tiên triển khai tại những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng các chương trình, sản phẩm, tài liệu truyền thông nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng ngừa lao động trẻ em và giáo dục pháp luật về trách nhiệm của gia đình, cá nhân, cơ sở giáo dục, cơ sở trợ giúp xã hội và các cơ quan, tổ chức đối với việc bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa lao động trẻ em.

- Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và công tác xã hội đối với trẻ em cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em, người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, mạng lưới cộng tác viên, cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan.

2. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

- Nghiên cứu lồng ghép, kết hợp các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ an sinh xã hội thúc đẩy liên kết giữa cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em các cấp để phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ liên thông, toàn diện, bảo đảm trẻ em và gia đình được cung cấp dịch vụ kịp thời, hiệu quả.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, hoạt động chất lượng, hiệu quả gồm dịch vụ bảo vệ tích hợp, dịch vụ bảo vệ liên ngành, phòng điều tra thân thiện.

3. Đẩy mạnh phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em

- Tập trung phòng ngừa, phát hiện lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, trong chuỗi cung ứng của các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, hộ gia đình kinh doanh, cá thể và các làng nghề.

- Thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em, đảm bảo trẻ em được tiếp cận đầy đủ các chính sách, chương trình dịch vụ an sinh xã hội, giáo dục phổ thông, đào tạo nghề phù hợp và hỗ trợ gia đình có lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em, cải thiện sinh kế đào tạo nghề, giảm nghèo.

- Khuyến khích hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng cơ chế tự giám sát, đánh giá nguy cơ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa phù hợp.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bảo vệ trẻ em

- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

- Cập nhật, chuẩn hóa, kết nối dùng chung dữ liệu trẻ em với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trẻ em, nghiên cứu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu về trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi, trở thành lao động trẻ em; trẻ em bị bạo lực, trẻ em bị xâm hại tình dục và lao động trẻ em.

5. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện chương trình

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; kịp thời xử lý các hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình theo quy định; kịp thời biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp trong công tác bảo vệ trẻ em theo quy định.

(các nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục II đính kèm)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Cấp tỉnh

Kinh phí thực hiện Kế hoạch sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế, huy động từ xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện các đơn vị nghiên cứu lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này với các chương trình, dự án, đề án có liên quan đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh trên cơ sở đảm bảo đúng đối tượng, nội dung, định mức chi theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của từng chương trình, dự án, đề án.

2. Cấp xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này, ban hành Kế hoạch và dự toán kinh phí triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch, là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện Kế hoạch trên toàn tỉnh. Kịp thời tổng hợp tình hình, báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch; đồng thời tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch hoặc ban hành văn bản triển khai thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục I và nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện (báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15/6, báo cáo năm trước ngày 15/12) về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức vận động, huy động nguồn lực và tổ chức hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, trẻ em bị xâm hại tình dục, hỗ trợ trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em thuộc hộ cận nghèo, trẻ em có nguy cơ bỏ học để kiếm sống; giám sát việc sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Cà Mau;
- KGVX (Th);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Luân

PHỤ LỤC I

Các chỉ tiêu cơ bản phần đầu thực hiện Chương trình về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	ĐVT	TỈNH CÀ MAU	QUYẾT ĐỊNH SỐ 1415/QĐ-TTg
1	Gia đình có trẻ em được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em bằng các hình thức khác nhau.	%	100	100
2	Học sinh được hướng dẫn kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ trước các hành vi xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, bạo lực trên môi trường mạng, kỹ năng phòng ngừa lao động trẻ em có nội dung phù hợp với lứa tuổi.	%	100	100
3	Công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ trẻ em trong cơ quan quản lý y tế, giáo dục; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở giáo dục và cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ trẻ em được nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, lao động trẻ em.	%	100	100
4	Doanh nghiệp đang hoạt động, hợp tác xã, hộ gia đình và cơ sở kinh doanh dịch vụ được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, phát hiện, giảm thiểu lao động trẻ em.	%	100	90
5	Xã, phường triển khai mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em liên ngành.	%	100	95
6	Xã, phường thành lập phòng điều tra thân thiện.	%	100	100
7	Giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục mỗi năm	%	10	5
8	Giảm tỷ lệ lao động trẻ em (người từ 5 - 17 tuổi)	%	10	1,1
9	Trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi phát hiện được hỗ trợ và can thiệp kịp thời, phù hợp.	%	100	100
10	Yêu cầu trợ giúp pháp lý cho trẻ em được đáp ứng theo quy định của pháp luật.	%	100	100
11	Trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác được quản lý trên hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em và kết nối dùng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan.	%	100	100

Phụ lục II
Phân công nhiệm vụ thực hiện kế hoạch triển khai về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa,
giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
I	Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em và nâng cao năng lực trong công tác bảo vệ trẻ em				
1	Truyền thông, tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng, vận động xã hội thực hiện quyền trẻ em, trách nhiệm về bảo vệ trẻ em.	Sở Y tế	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh - Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau - UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
2	Xây dựng các chương trình, sản phẩm, tài liệu và tổ chức truyền thông bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và công tác xã hội đối với trẻ em.				
2.1	Về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; công tác xã hội đối với trẻ em cho đội ngũ công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cộng tác viên bảo vệ trẻ em.	Sở Y tế			Báo cáo kết quả thực hiện

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
2.2	Về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em cho cán bộ công an làm công tác điều tra; hướng dẫn phòng ngừa, cảnh báo sớm, kiểm tra và bảo vệ, hỗ trợ trẻ em phát triển lành mạnh, tích cực trên môi trường mạng	Công an tỉnh	- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau - UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
2.3	Về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường			
2.4	Về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, xây dựng trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo			
2.5	Về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phòng, chống bạo lực gia đình; xây dựng gia đình an toàn, yêu thương, không bạo lực; cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, phát hiện, giảm thiểu lao động trẻ em cho gia đình, đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
2.6	Về sử dụng lao động chưa thành niên theo quy định của pháp luật cho người sử dụng lao	Sở Nội vụ	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh - Ban Quản lý Khu		

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
	động, đặc biệt chú trọng đến người sử dụng lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức		Kinh tế - Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau - UBND xã, phường		
2.7	Về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em và bảo vệ trẻ em trong chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các đơn vị trực thuộc, hợp tác xã các làng nghề	Liên minh Hợp tác xã			
II	Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em				
1	Nghiên cứu lồng ghép, kết hợp các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ an sinh xã hội; thúc đẩy giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em các cấp	Sở Y tế	- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - UBND xã, phường	Hàng năm	Văn bản hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện
2	Triển khai mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tích hợp, dịch vụ bảo vệ trẻ em liên ngành	Sở Y tế	- Công an tỉnh - Sở Tư pháp - Sở Giáo dục và Đào tạo - UBND cấp xã	- Ban hành Văn bản hướng dẫn <i>(hoàn thành năm 2026)</i> - Triển khai thực hiện trong năm 2027 và những năm tiếp theo	Văn bản hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện
3	Tổ chức triển khai thực hiện mô hình phòng điều tra thân thiện	Công an tỉnh	UBND cấp xã	- Ban hành văn bản hướng dẫn <i>(hoàn thành năm 2026)</i>	Văn bản hướng dẫn và báo cáo kết

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
				- Triển khai thực hiện trong năm 2027 và những năm tiếp theo	quả thực hiện
III	Đẩy mạnh phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em				
1	Xây dựng hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em	Sở Y tế	- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - UBND xã, phường	Tiếp tục triển khai Quyết định của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em	Văn bản triển khai
2	Xây dựng hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện quy trình phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ đối với học sinh có nguy cơ trở thành lao động trẻ em; hỗ trợ lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em tiếp cận chương trình, chính sách, dịch vụ giáo dục phổ thông và đào tạo nghề	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở Nội vụ - UBND xã, phường	- Ban hành văn bản hướng dẫn <i>(hoàn thành năm 2026)</i> - Triển khai thực hiện trong năm 2027 và những năm tiếp theo	Văn bản hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện
3	Xây dựng hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp; tổ chức đào tạo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nội vụ - UBND xã, phường	- Ban hành văn bản hướng dẫn <i>(hoàn thành năm 2026)</i>	Văn bản hướng dẫn và báo cáo kết

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
	nghề nông nghiệp về kiến thức, kỹ năng, tay nghề			- Triển khai thực hiện trong năm 2027 và những năm tiếp theo	quả thực hiện
4	Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng cơ chế tự kiểm tra, giám sát, đánh giá nguy cơ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng để phòng ngừa lao động trẻ em trái quy định pháp luật	Liên minh Hợp tác xã	- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - UBND xã, phường	- Ban hành văn bản hướng dẫn <i>(hoàn thành năm 2026)</i> và triển khai thực hiện	Văn bản hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện
IV	Tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bảo vệ trẻ em				
1	Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Sở Y tế	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh - Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
2	Cập nhật, chuẩn hóa, kết nối dùng chung dữ liệu trẻ em với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan	Sở Y tế	- Công an tỉnh - UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu về trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi, trở thành lao động trẻ em; trẻ em bị bạo lực; trẻ em bị xâm hại tình	Sở Y tế	- Công an tỉnh - UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
	dục và lao động trẻ em				
V	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình				
1	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Sở Y tế	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh - Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - UBND xã, phường	Hàng năm	Báo cáo kết quả thực hiện
2	Việc tổ chức thu thập chỉ tiêu thống kê “Tỷ lệ người từ 5 -17 tuổi tham gia lao động” và chỉ tiêu lao động trẻ em (người từ 5-17 tuổi)	Cục Thống kê tỉnh Cà Mau	- Sở Nội vụ - UBND xã, phường	- Số liệu năm 2026 đến 2027, ước tính trên cơ sở kỳ công bố số liệu năm 2023. - Số liệu năm 2029, 2030, ước tính trên cơ sở kỳ công bố số liệu năm 2028.	Báo cáo kết quả thực hiện
3	Tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục trên toàn tỉnh	Sở Y tế	- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh - UBND xã, phường	Hàng năm	Báo cáo kết quả thực hiện

Số: /KH-UBND

Cà Mau, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phòng, chống dịch bệnh động vật giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Cà Mau

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Quyết định số 779/QĐ-TTg ngày 02/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia phòng, chống các bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2026 - 2030;

Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

a) Tổ chức phòng chống bệnh, khống chế và kiểm soát có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm trên động vật, góp phần bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người dân và cộng đồng. Hướng tới từng bước xây dựng thành công cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở chuỗi sản xuất an toàn dịch bệnh để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

b) Bảo vệ diện tích, năng suất, sản lượng nuôi trồng thủy sản và nâng cao hiệu quả sản xuất nuôi trồng đối với các mô hình nuôi tôm siêu thâm canh, thâm canh, bán thâm canh trên địa bàn tỉnh. Phát triển nuôi trồng theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường và an toàn dịch bệnh.

c) Tăng cường năng lực quản lý, giám sát, cảnh báo sớm, điều tra dịch tễ, thực hành an toàn sinh học, tiêm phòng, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh (ATDB), truy xuất nguồn gốc và xử lý ổ dịch; từng bước thúc đẩy xây dựng hệ thống phòng, chống dịch bệnh động vật hiện đại, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phù hợp với mô hình chính quyền địa

phương hai cấp, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững theo đúng định hướng của Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ động giám sát, phát hiện sớm, cảnh báo và ứng phó kịp thời với các ổ dịch bệnh trên động vật nhất là các bệnh Cúm gia cầm (CGC), Lở mồm long móng (LMLM) và Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP); hạn chế phát sinh ổ dịch lớn, không để dịch bệnh lây lan diện rộng; giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh động vật đối với sản xuất chăn nuôi, sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm, môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Đối với bệnh động vật thủy sản:

a) Chủ động phòng, chống khống chế các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xảy ra trên động vật thủy sản nuôi:

- Đối với tôm sú, tôm thẻ, tôm càng xanh bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn 10% tổng diện tích nuôi.

- Đối với cá kèo, cá dứa bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn 15% tổng diện tích nuôi.

- Đối với nhuyễn thể: nghêu, hào bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn 5% tổng diện tích nuôi.

b) Chủ động phòng bệnh, chủ động giám sát phát hiện và khống chế kịp thời một số bệnh thường gặp, bệnh mới nổi trên đối tượng thủy sản nuôi khác, không để mầm bệnh lây lan ra diện rộng.

c) Xây dựng thành công ít nhất 02 cơ sở nuôi tôm thương phẩm và 05 cơ sở sản xuất giống đạt cơ sở an toàn dịch bệnh đối với một số bệnh nguy hiểm theo quy định của Tổ chức Thú y thế giới (*WOAH*) hoặc quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu (*Các bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên thủy sản nuôi được ưu tiên kiểm soát của Kế hoạch này*).

2.2. Đối với bệnh Cúm gia cầm (CGC):

a) Tổ chức kiểm soát tốt dịch bệnh, chủ động giám sát phát hiện sớm, xử lý kịp thời ổ dịch và không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng.

b) Tổ chức tiêm phòng đạt tỷ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm.

c) Ngăn chặn không để các nhánh, các chủng vi rút mới nguy hiểm xâm nhiễm vào tỉnh Cà Mau và lây lan trên diện rộng.

d) Góp phần giảm thiểu hoặc không để phát sinh các ca bệnh CGC ở người do nhiễm các chủng vi rút cúm nguy hiểm (*H5, H9 và H7*).

đ) Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng thành công 01 cơ sở an toàn dịch bệnh CGC và Niu-cát-xon.

2.3. Đối với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP):

a) Đến năm 2030 trên 65% số xã, phường không có bệnh DTLCP trên địa bàn tỉnh.

b) Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng thành công ít nhất 03 cơ sở chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh DTLCP.

c) Phối hợp với Cục Chăn nuôi và Thú y, các viện trường trong khu vực tiếp tục nghiên cứu về các đặc điểm dịch tễ của bệnh DTLCP để có các giải pháp phòng, chống phù hợp và hiệu quả hơn.

2.4. Đối với bệnh Viêm da nổi cục (VDNC):

a) Tiêm phòng vắc xin VDNC trên 80% tổng đàn trâu, bò, bê, nghé (*gọi chung là trâu, bò*) thuộc diện tiêm tại thời điểm tiêm phòng.

b) Chủ động giám sát, phát hiện sớm và kiểm soát tốt dịch bệnh nhằm ngăn chặn dịch bệnh VDNC lây lan trên diện rộng và hướng tới thành dịch bệnh địa phương nhỏ lẻ không ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi.

c) Phòng bệnh chủ động, có hiệu quả bằng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc và tiêu diệt các véc tơ truyền bệnh; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

d) Kiểm dịch, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, ngăn chặn không để mầm bệnh VDNC từ các địa phương khác xâm nhiễm vào tỉnh.

đ) Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tin học vào công tác quản lý dữ liệu, không chế dịch bệnh.

2.5. Đối với bệnh Lở mồm long móng (LMLM):

a) Đến năm 2030 có trên 95% số xã, phường không có bệnh LMLM trên gia súc tại các xã phường trên địa bàn tỉnh.

b) Đến năm 2030 hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi lớn trong tỉnh xây dựng thành công ít nhất 02 cơ sở chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh đối với bệnh LMLM.

2.6. Đối với bệnh Đại chó, mèo:

a) Quản lý được trên 90% số hộ nuôi chó, mèo và tổng đàn chó, mèo nuôi.

b) Tiêm vắc xin Đại cho 80% tổng đàn chó, mèo nuôi.

c) Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng thành công 01 vùng an toàn bệnh Đại tại xã, phường trong tỉnh.

2.7. Đối với bệnh Tai xanh lợn:

a) Đến năm 2030 có trên 95% số xã, phường không có bệnh Tai xanh trên lợn tại các xã phường trên địa bàn tỉnh.

b) Đến năm 2030 hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi lớn trong tỉnh xây dựng thành công ít nhất 02 cơ sở chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh đối với bệnh Tai xanh lợn.

2.8. Đối với bệnh khác và một số bệnh phát sinh mới: Thực hiện theo quy định hiện hành.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản:

1.1. Công tác phòng bệnh động vật thủy sản:

a) Phòng bệnh và khống chế có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm có nguy cơ lây lan:

- Tập trung, huy động các nguồn lực để chủ động phòng bệnh, chủ động giám sát, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và khống chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trên thủy sản được ưu tiên kiểm soát của Kế hoạch này.

- Áp dụng các quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh:

- + Tuân thủ quy trình khai báo thả nuôi và thiệt hại, các quy định về điều kiện cơ sở nuôi, xử lý nước thải, chất thải theo quy định, mùa vụ thả giống, chất lượng con giống được kiểm dịch theo quy định, áp dụng quy trình kỹ thuật nuôi, quản lý chăm sóc ao nuôi (*VietGAP, GlobalGAP, ...*); áp dụng các biện pháp hỗ trợ nâng cao sức đề kháng cho thủy sản nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh.

- + Áp dụng các biện pháp phòng bệnh, chống dịch, xử lý ổ dịch theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y; định kỳ kiểm tra ao, hồ, bể nuôi thủy sản, xử lý động vật trung gian truyền bệnh; thu mẫu gửi xét nghiệm trong trường hợp nghi ngờ có dịch bệnh phát sinh; xử lý động vật thủy sản nghi mắc bệnh, mắc bệnh, chết; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng và áp dụng các biện pháp xử lý ao hồ, bể nuôi thủy sản, môi trường nước, thức ăn, phương tiện, dụng cụ sử dụng trong quá trình nuôi.

- + Sử dụng các nhóm men vi sinh, tảo, khoáng chất, vitamin, chế phẩm sinh học trong công tác phòng bệnh cho động vật thủy sản, hạn chế tối đa việc sử dụng kháng sinh tránh tình trạng kháng thuốc trong nuôi trồng thủy sản.

- Giám sát bị động tại các vùng nuôi và cơ sở nuôi trồng thủy sản:

- + Thường xuyên kiểm tra cơ sở nuôi trồng thủy sản; trường hợp phát hiện động vật thủy sản có dấu hiệu bất thường, nghi mắc bệnh, tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm tác nhân gây bệnh và các thông số quan trắc môi trường.

- + Tổ chức điều tra dịch tễ và hướng dẫn người nuôi áp dụng các biện pháp xử lý tổng hợp theo quy định, không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng.

- Giám sát chủ động:

- + Tổ chức giám sát chủ động tại các cơ sở, khu vực sản xuất giống, cơ sở nuôi thương phẩm; xây dựng và thực hiện kế hoạch lấy mẫu, tổ chức xét nghiệm tác nhân gây bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi: Trên tôm nước lợ (tôm thẻ chân trắng, tôm sú) các bệnh nguy hiểm đang lưu hành như: (1) bệnh Đốm trắng do vi rút (White spot disease - WSSV), (2) bệnh Hoại tử gan tụy cấp tính do Vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus* (Acute hepatopancreatic necrosis disease - AHPND), (3) bệnh Hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô do vi rút (Infectious hypodermal and hematopoietic necrosis disease - IHHNV), (4) bệnh Vi bào tử trùng do ký sinh trùng (Enterocytozoon hepatopenaei - EHP), (5) bệnh Hoại tử cơ do vi rút (infectious myonecrosis virus - IMNV), (6) Bệnh Đầu Vàng do vi rút (Yellow head virus - YHV), (7) bệnh Taura do vi rút (Taura syndrome - TSV), (8) bệnh hoại tử gan tụy do vi khuẩn (NHP-B). Trên tôm càng xanh do vi rút: Bệnh trắng đuôi (*Macrobrachium rosenbergii* Nodavirus - MrNV). Trên Cá kèo: Bệnh do vi khuẩn và làm kháng sinh đồ 7 loại kháng sinh: Bệnh khuẩn huyết lở loét, mắt lồi, trắng mắt (*Aeromonas*); bệnh tuột nhớt, trắng đuôi (*Pseudomonas*); bệnh xuất huyết các vây, thân, chướng bụng (*Streptococcus*); trên

nghe, hầu: Bệnh do Perkinsus (tác nhân *P. marinus*, *P. olsenni*). Ngoài ra lấy mẫu trên môi trường và thức ăn. Một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm khác xuất hiện tại vùng nuôi gây chết hàng loạt và có chiều hướng lây lan ra diện rộng; bệnh mới nổi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và theo cảnh báo của WOA/NACA.

+ Tổ chức điều tra dịch tễ và hướng dẫn các biện pháp xử lý nhằm loại bỏ tác nhân gây bệnh trong trường hợp mẫu xét nghiệm có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh nguy hiểm.

+ Tổ chức giám sát chủ động, xây dựng quy trình xét nghiệm, nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, các biện pháp ứng phó, xử lý ngăn chặn tác nhân gây bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi xâm nhập vào tỉnh.

- Cập nhật và báo cáo tình hình dịch bệnh động vật thủy sản trên hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam VAHIS đối với một số bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản theo hướng dẫn của Cục Chăn nuôi và Thú y. Từ đó có biện pháp xử lý dịch bệnh phù hợp với thực tiễn, bảo đảm hiệu quả ngăn ngừa dịch bệnh.

- Kiểm dịch, kiểm soát động vật, sản phẩm động vật thủy sản:

+ Thực hiện nghiêm việc kiểm dịch động vật thủy sản theo quy định của pháp luật. Thủy sản làm giống khi nhập tỉnh, phải có nguồn gốc rõ ràng, được xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh nguy hiểm.

+ Tổ chức giám sát, xét nghiệm tác nhân gây bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản sử dụng làm giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Kiểm soát, ngăn chặn, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản xuất nhập tỉnh.

b) Xây dựng một số cơ sở, vùng, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu:

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến, tập huấn, hướng dẫn địa phương, công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giống và nuôi thương phẩm (cơ sở) các quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh của OIE và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổ chức giám sát chủ động, xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh với các bệnh nguy hiểm: (1) bệnh Đốm trắng (*WSSV*), (2) bệnh Hoại tử gan tụy cấp tính (*AHPND*), (3) bệnh Hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (*IHHNV*), (4) bệnh Vi bào tử trùng (*EHP*); (5) bệnh Đầu vàng (*YHV*); (6) bệnh Taura (*TSV*), (7) bệnh hoại tử gan tụy do vi khuẩn (*NHP-B*), (8) bệnh Hoại tử cơ (*IMNV*), các bệnh nguy hiểm (bệnh mới nổi) theo quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường và yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Tổ chức giám sát chủ động và bị động tại các vùng đệm với các bệnh nguy hiểm trên thủy sản: (1) bệnh Đốm trắng (*WSSV*), (2) bệnh Hoại tử gan tụy cấp tính (*AHPND*), (3) bệnh Hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (*IHHNV*), (4) bệnh Vi bào tử trùng (*EHP*); (5) bệnh Đầu vàng (*YHV*); (6) bệnh Taura (*TSV*), (7) bệnh hoại tử gan tụy do vi khuẩn (*NHP-B*), (8) bệnh Hoại tử cơ (*IMNV*), các bệnh khác, bệnh mới nổi theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và của nước nhập khẩu.

- Tổ chức ghi chép, lưu trữ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu của địa phương và công ty, doanh nghiệp, cơ sở về dịch bệnh, giám sát dịch bệnh, các hồ sơ, liên quan để được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

c) Tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm bệnh thủy sản:

- Xây dựng các quy trình xét nghiệm bệnh thủy sản theo hướng dẫn của Cục

Chăn nuôi và Thú y; tổ chức thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng đối với một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi.

- Báo cáo và chia sẻ kết quả xét nghiệm, tình hình, diễn biến dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi.

- Bảo trì, nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng thử nghiệm, bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác chẩn đoán và giám sát chủ động các bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản; đào tạo, tập huấn chuyên môn về dịch tễ, kỹ thuật xét nghiệm, bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn của Việt Nam và yêu cầu của Quốc tế.

d) Tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản:

- Tăng cường công tác quan trắc môi trường, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản theo quy định, đặc biệt tại các vùng sản xuất giống và nuôi tập trung đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh, đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, ... để cảnh báo, chủ động ứng phó với các điều kiện môi trường bất lợi nhằm giảm thiểu thiệt hại trong sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, bổ sung các điểm quan trắc môi trường của địa phương tại các tuyến kênh trọng điểm và các ao nuôi đại diện; ưu tiên hệ thống quan trắc tự động tại các vùng nuôi thủy sản tập trung.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, bổ sung trang thiết bị, máy móc, nguồn lực cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ quan trắc, cảnh báo môi trường.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật về quan trắc môi trường.

đ) Thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức:

- Đào tạo tập huấn chuyên sâu về công tác phòng, chống, điều tra dịch tễ, giám sát dịch bệnh động vật thủy sản cho cán bộ làm công tác thú y thủy sản đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn.

- Tổ chức in và cấp phát tờ bướm, tờ rơi, áp phích hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh thủy sản, cấp phát đến tận hộ nông dân, hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, phát hiện dịch bệnh kịp thời, xử lý triệt để, không để dịch bệnh lan ra diện rộng.

- Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản, xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh.

1.2. Công tác chống dịch bệnh thủy sản (khi có dịch bệnh phát sinh).

a) Khai báo và xác minh ổ dịch:

Chủ cơ sở nuôi, người hành nghề thú y, thủy sản, người phát hiện động vật thủy sản mắc bệnh, chết nhiều hoặc có dấu hiệu mắc bệnh, bất thường phải báo cáo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chuyên môn thú y, thủy sản gần nhất.

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thú y, thủy sản và cơ sở nuôi có động vật thủy sản mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh để xác minh tình hình thiệt hại và báo cáo theo quy định.

Cơ quan chuyên môn thú y, thủy sản, Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ đến cơ sở nuôi có động vật thủy sản mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh để hướng dẫn xử lý ổ dịch, lấy mẫu xét nghiệm, xác minh nguồn gốc dịch bệnh và báo cáo tình hình dịch bệnh theo quy định.

Trong trường hợp dịch bệnh lây lan nhanh trên phạm vi rộng, gây chết nhiều động vật thủy sản, chủ cơ sở nuôi, người phát hiện động vật thủy sản mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh: Cơ quan chuyên môn thú y, thủy sản, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua cơ quan chuyên môn thú y, thủy sản cấp tỉnh*) để kịp thời tổ chức chống dịch.

b) Công bố dịch bệnh:

Trường hợp đã có kết quả xét nghiệm dương tính với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật theo quy định phải công bố dịch và bệnh có chiều hướng lây lan rộng, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quyết định công bố dịch theo đúng thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp (*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi dịch bệnh xảy ra từ 02 xã/phường trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã/phường*).

c) Các biện pháp chống dịch bệnh:

Khoanh vùng dịch: Xã, phường có dịch bệnh xác định là vùng dịch, các xã tiếp giáp với các xã có dịch được xác định là vùng dịch uy hiếp. Ủy ban nhân dân các xã, phường huy động lực lượng tổ chức thực hiện đồng bộ, nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Công bố hết dịch bệnh:

Công bố hết dịch khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: Sau ít nhất 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày xử lý xong ổ dịch cuối cùng mà không phát sinh ổ dịch mới và đã thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y có báo cáo bằng văn bản và đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định điều kiện công bố hết dịch.

2. Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn:

2.1. Công tác phòng bệnh động vật trên cạn:

a) Thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức phòng bệnh:

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về tính chất nguy hiểm của dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi để người dân nhận thức được tác hại của dịch bệnh và tích cực tham gia thực hiện phòng, chống dịch.

- Tổ chức in và cấp phát tờ bướm, tờ rơi, áp phích hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, cấp phát đến tận hộ nông dân, hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, phát hiện dịch bệnh kịp thời, xử lý triệt để, không để dịch bệnh lan ra diện rộng.

- Tổ chức các lớp tập huấn về chăn nuôi an toàn dịch bệnh, phòng chống dịch bệnh cho các hộ chăn nuôi; tập huấn cho những người tham gia công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; tập huấn xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

b) Giám sát phòng dịch bệnh trên gia súc, gia cầm:

- Giám sát chủ động:

- + Giám sát sự lưu hành của vi rút cúm gia cầm trên đàn chim yến để tìm vi rút cúm A subtype H5, subtype N1 nhằm làm cơ sở xây dựng quy trình chăn nuôi yến phù hợp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm để hướng tới xuất khẩu tổ yến, sản phẩm từ yến sang Trung Quốc theo quy định của Nghị định thư về xuất khẩu sản phẩm tổ yến từ Việt Nam sang Trung Quốc;

- + Giám sát sau tiêm phòng vắc xin LMLM gia súc, tai xanh trên lợn: Thực hiện lấy mẫu huyết thanh sau tiêm phòng để đánh giá hiệu quả, hiệu lực sử dụng vắc xin tại địa phương làm cơ sở chọn vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc;

- + Giám sát sau tiêm phòng bệnh DTLCP: Thực hiện lấy mẫu huyết thanh sau tiêm phòng bệnh DTLCP để đánh giá hiệu quả tiêm phòng thông qua tỷ lệ sinh miễn dịch của tổng đàn;

- + Giám sát lưu hành vi rút VDNC trâu, bò: Thực hiện lấy mẫu tại địa phương có nguy cơ cao, địa phương đã từng có dịch bệnh VDNC;

- + Giám sát lưu hành vi rút Đại, giám sát sau tiêm phòng vắc xin Đại ở động vật để đánh giá hiệu quả tiêm phòng;

- Giám sát bị động: Khi có dịch bệnh phát sinh trên động vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) phối hợp UBND cấp xã khẩn trương tiến hành lấy mẫu xét nghiệm xác định bệnh: DTLCP, LMLM gia súc, tai xanh trên lợn; VDNC trâu/bò, đại chó/mèo, CGC chủng H5N1, H5N6 (*vi rút cúm A subtype H5, subtype N1, subtype N6*); đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương xử lý ngay các ổ dịch xảy ra đầu tiên, không để dịch lây lan; áp dụng chính sách hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại theo quy định.

c) Tiêm phòng vắc xin phòng bệnh:

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác mua sắm vắc xin, vật tư tiêm phòng phục vụ cho công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi trong tỉnh theo đúng quy định nhằm bao vây khống chế ổ dịch, không để dịch phát sinh, lây lan diện rộng. Tiêm phòng các đợt chính trong năm và tiêm bổ sung cho gia súc, gia cầm nuôi mới, những đàn tiêm phòng chưa đủ mũi, tỷ lệ tiêm phòng phải đạt từ 80% trên tổng đàn.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) phân bổ vắc xin về cho các Trạm Chăn nuôi và Thú y theo đúng nhu cầu thực tế; số còn lại Chi cục Chăn nuôi và Thú y sẽ dự trữ để cấp cho địa phương có nhu cầu tiêm phòng bao vây ổ dịch khi dịch bệnh phát sinh (*trong trường hợp chưa đủ điều kiện công bố dịch*); ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% giá vắc xin.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh, kiểm tra các cơ sở, hộ chăn nuôi thực hiện các quy định về phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường.

d) Kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm và kiểm tra vệ sinh thú y:

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho các Trạm Kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

- Các Trạm Kiểm dịch động vật bố trí cán bộ trực và thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định của pháp luật. Khi dịch bệnh gia súc, gia cầm phát sinh ở các tỉnh có thể lây lan vào tỉnh Cà Mau qua đường vận chuyển thì nhanh chóng thành lập các chốt kiểm dịch tạm thời tại các điểm đầu mối giao thông chính, đội kiểm dịch lưu động để tăng cường kiểm tra giám sát, ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

- Thực hiện giám sát điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm tại các cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến, kinh doanh trong chuỗi thịt gia súc, gia cầm để kịp thời chấn chỉnh sai sót trong công tác kiểm soát giết mổ.

- Tổ chức di dời, nâng cấp các lò giết mổ không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm ra khỏi khu vực đông dân cư; hạn chế các điểm giết mổ nhỏ lẻ, phân công cán bộ thực hiện kiểm soát giết mổ theo đúng quy trình quy định; nghiêm cấm giết mổ gia súc trái phép; sắp xếp lại các chợ buôn bán gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thành lập đoàn kiểm tra liên ngành cấp tỉnh, cấp xã để tăng cường kiểm tra, kiểm soát lưu thông, giết mổ, tiêu thụ gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm trên địa bàn, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

đ) Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường:

- Việc thực hiện công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phải đảm bảo nguyên tắc chung và được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 08 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm hóa chất để tổ chức thực hiện công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường theo từng đợt/năm.

- Căn cứ vào tình hình chăn nuôi và dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, kế hoạch thực hiện phải phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo không chế nhanh không để dịch

lây lan diện rộng; dụng cụ, phương tiện, hóa chất phục vụ cho công tác sát trùng tiêu độc được thực hiện đúng đối tượng, tiết kiệm và tránh lãng phí thuốc sát trùng.

e) Công tác xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh: - Căn cứ nhu cầu của người chăn nuôi, của doanh nghiệp, nguồn lực của tỉnh tổ chức xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và khuyến cáo của Tổ chức Thú y Thế giới (*WOAH*) nhằm hướng tới xuất khẩu.

- Khuyến khích các gia trại đăng ký tham gia thực hành chăn nuôi an toàn dịch bệnh hướng tới xây dựng, công nhận cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh nhất là bệnh LMLM gia súc, tai xanh heo, DTLCP.

- Tổ chức lấy mẫu giám sát, kiểm tra, hướng dẫn hồ sơ thủ tục, thẩm định cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh theo quy định.

- Hướng dẫn cơ sở thực hiện việc duy trì trạng thái an toàn dịch bệnh đối với các cơ sở đã được công nhận.

- Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng thành công các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh theo mục tiêu nêu trên đề ra. Ngoài ra an toàn dịch bệnh một số bệnh khác khi có yêu cầu.

g) Tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm:

- Tăng cường năng lực của Trạm chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật Chi cục Chăn nuôi và Thú y về vật chất, con người nhằm đảm bảo khả năng xét nghiệm PCR (*xét nghiệm sinh học phân tử*) cho các bệnh truyền nhiễm khác của động vật trên cạn.

- Cử cán bộ kỹ thuật, xét nghiệm tham gia các hội thảo, đào tạo tập huấn nâng cao kỹ thuật chẩn đoán, xét nghiệm dịch bệnh nguy hiểm.

- Thực hiện duy trì chứng nhận ISO17025:2017 tại Trạm chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

h) Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ bệnh:

Thực hiện các đề tài hoặc tăng cường phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y, các viện Trường Đại học trong khu vực tổ chức nghiên cứu xác định đặc điểm dịch tễ và các yếu tố nguy cơ và quy luật phát sinh, lây lan dịch bệnh; bao gồm cả nghiên cứu kinh tế dịch tễ nhằm đánh giá những tổn thất về kinh tế, chi phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh và lợi ích kinh tế đạt được; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu bệnh ở một số nguy cơ cao, đồng thời xây dựng các giải pháp chiến lược áp dụng cho các địa phương trong tỉnh.

2.2. Công tác chống dịch bệnh (khi có dịch bệnh phát sinh):

a) Khai báo và xác minh ổ dịch:

- Chủ hộ nuôi, người hành nghề thú y, người phát hiện gia súc, gia cầm mắc bệnh, chết nhiều hoặc có dấu hiệu mắc bệnh bất thường phải báo cáo ngay cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công bố dịch bệnh động vật khi dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã/phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch bệnh động vật khi dịch bệnh xảy ra từ 02 xã/phường trở lên.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì chỉ đạo, phối hợp với cơ quan có liên quan và cơ sở chăn nuôi có động vật nghi mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh để kiểm tra, xác minh tình hình dịch bệnh và báo cáo theo quy định.

- Các đơn vị có liên quan cử cán bộ đến hộ chăn nuôi có động vật mắc bệnh để xác minh nguồn gốc dịch bệnh, ghi nhận tình hình dịch bệnh, hướng dẫn xử lý ổ dịch, lấy mẫu gửi xét nghiệm và báo cáo tình hình dịch bệnh theo quy định.

b) Công bố dịch bệnh:

Trường hợp đã có kết quả xét nghiệm dương tính với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật theo quy định phải công bố dịch và bệnh có chiều hướng lây lan rộng, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quyết định công bố dịch theo đúng thẩm quyền được phân cấp theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Áp dụng các biện pháp khẩn cấp xử lý ổ dịch bệnh:

Tùy theo loại dịch bệnh, mức độ lây lan, địa bàn phát sinh, Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch chỉ đạo và kinh phí phục vụ công tác chống dịch, bao gồm: Mua vắc xin tiêm phòng không chế dịch, hóa chất, thiết bị, vật tư ...; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, chốt kiểm dịch, tổ sát trùng tiêu độc, đội xử lý gia súc, gia cầm mắc bệnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

d) Công bố hết dịch bệnh:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố hết dịch bệnh động vật khi dịch bệnh không còn xảy ra ở các xã/phường và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn khi dịch bệnh không còn xảy ra trong phạm vi xã/phường và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

3. Công tác ứng dụng công nghệ số trong xây dựng phần mềm quản lý dịch bệnh động vật:

a) Thực hiện cập nhật báo cáo tình hình dịch bệnh qua Hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến (VAHIS) theo đúng quy định (*nếu có dịch bệnh xảy ra*).

b) Tham gia tập huấn nâng cấp phần mềm quản lý dịch bệnh động vật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức. Đồng thời, ứng dụng phần mềm bản đồ quản lý dịch tễ để vẽ bản đồ dịch tễ nhằm xác định vị trí, địa điểm ổ dịch xảy ra trên địa bàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương:

a) Trong trường hợp dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, nguồn ngân sách tỉnh không đủ đảm bảo chi hỗ trợ cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và công tác phòng, chống dịch. Tỉnh trình xin cấp ngân sách từ Trung ương.

b) Các hoạt động lấy mẫu giám sát động vật, xác định type vi rút gây bệnh, định lượng hiệu giá kháng thể sau tiêm phòng và các chương trình do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức sử dụng nguồn kinh phí của Trung ương.

c) Trường hợp dịch bệnh bùng phát, có chiều hướng lây lan diện rộng, địa phương không đảm bảo đủ lượng vắc xin, hóa chất để kịp thời phòng, chống dịch bệnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia.

2. Ngân sách tỉnh:

a) Ngân sách tỉnh cân đối phân bổ kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh (*mua vắc xin, tiêm phòng, giám sát dịch bệnh, xét nghiệm, mua vật tư, dụng cụ, trang thiết bị, tập huấn tổng kết, thông tin tuyên truyền; tổ chức xây dựng vùng, cơ sở và vùng an toàn dịch bệnh,...*) theo đúng quy định. Kinh phí hỗ trợ tiêu hủy gia súc mắc bệnh, gia súc chết do dịch bệnh được thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Trong trường hợp ngân sách cấp tỉnh đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, báo cáo bổ sung từ ngân sách trung ương.

3. Ngân sách cấp xã:

a) Trong trường hợp bệnh xảy ra, ngân sách cấp xã chi trả tiền công chống dịch, tiêu hủy gia súc bệnh, các hoạt động khác không chế dịch, chi tiền hỗ trợ cho người chăn nuôi tái đàn (*theo thẩm quyền được giao*).

b) Trong trường hợp ngân sách cấp xã đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, báo cáo bổ sung từ ngân sách tỉnh.

4. Kinh phí do doanh nghiệp, chủ cơ sở tự đảm bảo:

a) Đối với động vật của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp tự bảo đảm kinh phí phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

- Đối với động vật của các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở chăn nuôi, doanh nghiệp trong nước, trang trại chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản không thuộc diện được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định thì chủ cơ sở, các đơn vị phải tự bảo đảm kinh phí phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh, giết mổ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh chi trả kinh phí lấy mẫu, xét nghiệm và tiêu hủy khi phát hiện động vật, sản phẩm động vật dương tính với vi rút gây bệnh.

b) Tổ chức xây dựng, thẩm định cơ sở, vùng, chuỗi an toàn dịch bệnh đối với bệnh đã đăng ký thì chủ cơ sở phải bảo đảm kinh phí giám sát dịch bệnh, xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch khác theo quy định hiện hành.

V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật hàng năm, căn cứ trên các Kế hoạch, chương trình của quốc gia và địa phương đã được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Kế hoạch và dự trù kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

1. Ban Chỉ đạo sản xuất, phòng, chống dịch bệnh động vật tỉnh:

- Phân công các thành viên Ban Chỉ đạo triển khai quán triệt Kế hoạch này đến các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Đoàn thể có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện tại các xã, phường và cơ sở, thu thập số liệu báo cáo đánh giá tình hình, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống dịch trong từng thời điểm sát với tình hình thực tế.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- a) Hằng năm, xây dựng Kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

- b) Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật hàng năm (trong đó, bao gồm kế hoạch giám sát trên địa bàn tỉnh); phối hợp, hướng dẫn lấy mẫu xét nghiệm, cảnh báo sớm, điều tra dịch tễ, xử lý ổ dịch; hướng dẫn thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường, tiêm phòng, chăn nuôi an toàn sinh học và xây dựng cơ sở, vùng ATDB; dự toán trình phê duyệt và tổ chức mua sắm các loại vắc xin, hóa chất, vật tư phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh; cập nhật, chia sẻ thông tin kịp thời cho các sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan.

- c) Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn địa phương tổ chức kê khai hoạt động chăn nuôi, quản lý tổng đàn vật nuôi, quản lý dịch bệnh, cập nhật dữ liệu, tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

- d) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức theo dõi, cập nhật, chuẩn hóa và báo cáo số liệu định kỳ, đột xuất theo bộ chỉ số giám sát, đánh giá do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; kịp thời điều chỉnh kế hoạch, biện pháp và phân bổ nguồn lực khi nguy cơ dịch bệnh thay đổi.

- e) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương triển khai công tác tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra liên ngành, kiểm soát vận chuyển, kiểm soát giết mổ và phòng, chống dịch bệnh động vật.

- f) Phối hợp với ngành Y tế chia sẻ thông tin, phối hợp phòng, chống các bệnh lây truyền từ động vật sang người theo quy định.

- g) Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh.

3. Sở Tài chính:

- a) Kiểm tra, thẩm định dự toán chi tiết thực hiện kế hoạch theo nhu cầu, tình hình dịch bệnh hằng năm và tình hình diễn biến dịch bệnh phát sinh thực tế trên cơ

sở định mức chi tiêu tài chính, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp kết quả hỗ trợ thiệt hại để khôi phục sản xuất trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương cho tỉnh.

4. Sở Công Thương:

a) Phối hợp với các Sở, Ngành đơn vị chức năng có liên quan thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, gian lận thương mại, công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản và gia súc, gia cầm trong tỉnh.

b) Tuyên truyền, vận động chủ cơ sở kinh doanh tại các siêu thị, chợ, trung tâm thương mại thuộc phạm vi quản lý, cam kết không kinh doanh, tiêu thụ thịt gia súc, gia cầm và các sản phẩm gia súc, gia cầm không qua kiểm soát giết mổ, không có Giấy chứng nhận kiểm dịch, không rõ nguồn gốc xuất xứ.

c) Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường và phối hợp với các cơ quan chức năng và UBND cấp xã tăng cường kiểm tra, kiểm soát các tuyến đường trọng điểm, các chợ đầu mối, cơ sở thu mua, giết mổ và các kho lạnh bảo quản để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ gia súc, gia cầm bệnh hoặc sản phẩm gia súc, gia cầm không bảo đảm an toàn; tăng cường giám sát, xử lý việc mua bán động vật, sản phẩm động vật không qua kiểm dịch theo quy định trên các nền tảng trực tuyến.

d) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; ngăn chặn hành vi đầu cơ, găm hàng, gian lận thương mại, đẩy giá bất hợp lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

e) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Tài chính đánh giá, dự báo tác động của dịch bệnh tới cung - cầu, giá cả trên địa bàn tỉnh, có phương án phối hợp liên ngành để điều tiết thị trường khi xảy ra thiếu hụt nguồn cung do dịch bệnh; xây dựng kịch bản bình ổn giá và bảo đảm lưu thông hàng hóa thiết yếu khi dịch bệnh bùng phát.

5. Công an tỉnh:

a) Tăng cường công tác nắm tình hình, điều tra phát hiện xử lý các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh động vật như: nhập lậu động vật, sản phẩm động vật; buôn bán, tàng trữ, giết mổ, chế biến động vật, sản phẩm động vật bị nhiễm bệnh, không có giấy chứng nhận kiểm dịch; làm lây lan dịch bệnh.

Chỉ đạo lực lượng công an phối hợp với lực lượng chức năng của các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các trường hợp buôn bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc; tổ chức dừng phương tiện giao thông ra, vào vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp và vùng đệm theo quy định để thực hiện việc kiểm soát vận chuyển và vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; tố giác các hành vi vi phạm đến cơ quan chức năng để kiểm tra, xử lý, ngăn chặn kịp thời.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quản lý thị trường và các đơn vị có liên quan tuần tra, chốt chặn, kiểm soát việc vận chuyển, nguồn gốc xuất xứ động vật, sản phẩm động vật lưu thông trên thị trường.

Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, công an các địa phương chủ động nắm chắc tình hình, phối hợp với các cơ quan, ban ngành kịp thời phát hiện và ngăn chặn không để nguy cơ làm lây lan dịch bệnh; làm rõ phương thức, thủ đoạn, nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm liên quan đến hành vi làm lây lan dịch bệnh, vi phạm về an toàn thực phẩm, vi phạm về môi trường, vi phạm pháp luật về kiểm dịch để có biện pháp đấu tranh, phòng ngừa hiệu quả.

6. Sở Y tế:

a) Chỉ đạo các cơ sở y tế tăng cường giám sát, phát hiện sớm, điều tra, lấy mẫu xét nghiệm, thu dung, cách ly và điều trị kịp thời các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh Cúm gia cầm trên người theo quy định.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan trong công tác giám sát dịch Cúm trên người, chia sẻ thông tin dịch tễ, cảnh báo nguy cơ lây truyền từ động vật sang người và tổ chức ứng phó theo phương thức tiếp cận “Một Sức khỏe”. Hàng năm chủ trì xây dựng Kế hoạch phối hợp liên ngành Y tế và Nông nghiệp trong triển khai tổ chức phòng, chống dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người.

c) Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tuyên truyền các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người; kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng liên quan đến dịch bệnh động vật.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức tăng cường công tác truyền thông phòng, chống các bệnh trong phòng, chống dịch bệnh; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng, chống bệnh CGC, LMLM, DTLCP và các loại dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác ở động vật trên địa bàn tỉnh, để người dân và các cơ sở chăn nuôi chủ động áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh. Phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế và các ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức truyền thông học đường về phòng, chống bệnh CGC.

9. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với các đơn vị chuyên ngành triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan lĩnh vực phòng, chống dịch bệnh động vật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Tổ chức đoàn thể - chính trị - xã hội tỉnh:

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Hội, đoàn thể chỉ đạo hệ thống Mặt trận, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tham gia tích cực công tác phòng, chống dịch bệnh tại địa phương; vận động hội viên, đoàn viên thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch trong gia đình và cộng đồng. Tham gia giám sát các nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác phòng, chống dịch để tránh thất thoát, lãng phí.

b) Tăng cường phối hợp với các ngành chuyên môn và địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, cơ sở chăn nuôi chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về phòng, chống dịch bệnh; thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật đảm bảo chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

11. Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh:

Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành và chính quyền địa phương trong việc ngăn chặn nhập lậu gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm qua biên giới; đồng thời làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tuyên truyền cho Nhân dân khu vực biên giới về tác hại của việc vận chuyển, kinh doanh gia súc, gia cầm, sản phẩm của gia súc, gia cầm nhập khẩu trái phép để người dân hiểu, không tham gia, tiếp tay cho buôn lậu.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Căn cứ vào Kế hoạch này chủ trì chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch, kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật theo từng năm trên địa bàn quản lý và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đến tận các khóm, ấp.

Thành lập Ban Chỉ đạo sản xuất phòng, chống dịch bệnh cấp xã; xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp chỉ đạo sản xuất, phòng chống dịch bệnh động vật; ngăn chặn triệt để sự lây lan của dịch bệnh trên địa bàn các xã, phường.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về kết quả tổ chức thực hiện công tác phòng, chống các bệnh động vật trên địa bàn quản lý; căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh của địa phương phù hợp với điều kiện thực tế, mức độ nguy cơ và khả năng bảo đảm nguồn lực.

Xác định mục tiêu, chỉ tiêu, địa bàn ưu tiên, lộ trình, giải pháp, phân công trách nhiệm các cơ quan, ngành, đơn vị có liên quan cho giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm để thực hiện.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, các đơn vị liên quan tổ chức kê khai hoạt động chăn nuôi, quản lý hoạt động chăn nuôi, quản lý tổng đàn vật nuôi, quản lý hoạt động giết mổ, kinh doanh, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật trên địa bàn theo quy định.

d) Tổ chức giám sát dịch bệnh động vật; tiếp nhận, xử lý thông tin, phát hiện sớm và báo cáo kịp thời tình hình dịch bệnh; phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú

y thực hiện lấy mẫu xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh, điều tra dịch tễ và triển khai các biện pháp xử lý ổ dịch theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên.

e) Tổ chức thực hiện tiêm phòng vắc xin định kỳ và tiêm phòng chống dịch khi có phát sinh dịch bệnh; tổ chức thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi; tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, ATDB và khai báo dịch bệnh theo quy định.

f) Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y, an toàn thực phẩm; xử lý các trường hợp vận chuyển, buôn bán, giết mổ động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y trên địa bàn.

g) Quan tâm chủ động bố trí kinh phí, nhân lực, vật tư, hóa chất, phương tiện, trang thiết bị và huy động các nguồn lực hợp pháp để tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định.

Hàng năm chủ trì lập dự toán và trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán để bố trí, phân bổ kinh phí kịp thời cho các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh tại địa phương.

h) Tổ chức cập nhật, tổng hợp, báo cáo đầy đủ, kịp thời số liệu chăn nuôi, tiêm phòng, giám sát và tình hình dịch bệnh động vật định kỳ, đột xuất theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

i) Tổ chức xây dựng, duy trì cơ sở, vùng ATDB theo định hướng phát triển chăn nuôi của địa phương; khuyến khích cơ sở chăn nuôi, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia xây dựng cơ sở ATDB, tham gia xây dựng chuỗi giá trị.

j) Chịu trách nhiệm tổ chức xử lý ổ dịch ngay từ khi mới phát sinh; hạn chế dịch bệnh phát sinh và lây lan rộng.

k) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật bao gồm dịch bệnh CGC, LMLM, DTLCP của địa phương theo phân cấp, ủy quyền và dự toán được giao.

13. Các cơ sở/hộ chăn nuôi, người vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm:

a) Chấp hành quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y, an toàn sinh học, tiêm phòng, khai báo dịch bệnh, xử lý xác động vật, buôn bán, vận chuyển, giết mổ và tiêu thụ sản phẩm động vật; chấp hành hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y; chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

b) Phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y, chính quyền địa phương trong xây dựng, duy trì cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh, giám sát dịch bệnh, cung cấp thông tin, lấy mẫu xét nghiệm, điều tra ổ dịch, truy xuất nguồn gốc và xử lý tình huống dịch bệnh.

c) Kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi phát hiện động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, dấu hiệu dịch bệnh, hành vi buôn bán, vận chuyển, giết mổ trái phép, vứt xác động vật ra môi trường hoặc các hành vi vi phạm khác có liên quan.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc che giấu dịch bệnh, không khai báo, cung cấp thông tin không trung thực hoặc thực hiện các hành vi làm lây lan dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường định kỳ **trước ngày 15/11 hàng năm** báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ **trước ngày 30/11 hàng năm** tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 075/KH-UBND ngày 29/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, những vấn đề chưa phù hợp cần điều chỉnh, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Đính kèm các Phụ lục I, II, III*).

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*báo cáo*);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (*để báo cáo*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VII;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Báo và PTTH tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Giao13/KH, TH89/8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

PHỤ LỤC I
HƯỚNG DẪN CHI TIẾT GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC BỆNH
CÚM GIA CÀM, LỞ MÒM LONG MÓNG VÀ DỊCH TẢ LỘN CHẤU PHI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương, tham mưu triển khai các quy định của pháp luật lĩnh vực chăn nuôi và thú y, các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phòng, chống bệnh CGC, LMLM và DTLCP; rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật phù hợp tình hình thực tế tỉnh Cà Mau.

2. Chăn nuôi an toàn sinh học

Tổ chức rà soát, hướng dẫn các hộ, cơ sở chăn nuôi áp dụng nghiêm các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học phù hợp với loài vật nuôi, quy mô chăn nuôi, phương thức chăn nuôi và điều kiện thực tế của từng địa phương; ưu tiên áp dụng tại cơ sở chăn nuôi tập trung, khu vực nguy cơ cao, khu vực có lưu lượng vận chuyển, buôn bán động vật và sản phẩm động vật lớn, cơ sở giết mổ, chợ buôn bán động vật sống và vùng đã từng xảy ra dịch bệnh. Trong đó tập trung tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

a) Tổ chức thực hiện kê khai, quản lý hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y và văn bản hướng dẫn thi hành; hướng dẫn cơ sở chăn nuôi áp dụng các biện pháp an toàn sinh học theo mức độ phù hợp với quy mô nông hộ, hộ chăn nuôi tập trung, trang trại và cơ sở tham gia chuỗi sản xuất.

b) Đối với chăn nuôi nông hộ tập trung thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, bao gồm: quản lý con giống, thức ăn, nước uống, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, xử lý chất thải, xác động vật, kiểm soát người và phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi, không sử dụng thức ăn thừa chưa qua xử lý theo quy định và khai báo kịp thời khi phát hiện động vật ốm, chết bất thường.

c) Đối với chăn nuôi trang trại thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, bao gồm: quản lý con giống, thức ăn, nước uống, xử lý chất thải, xác động vật, kiểm soát người và phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi, không sử dụng thức ăn thừa chưa qua xử lý theo quy định, khai báo kịp thời khi phát hiện động vật ốm, chết bất thường; cách ly, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, kiểm soát ra vào, kiểm soát động vật trung gian truyền bệnh, truy xuất nguồn gốc, quản lý nội bộ về an toàn sinh học và các yêu cầu khác theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Chăn nuôi và Thú y), Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) và các cơ quan có liên quan khác.

d) Tổ chức định kỳ và đột xuất vệ sinh, tiêu độc, khử trùng tại cơ sở chăn nuôi, điểm tập kết, chợ, cơ sở giết mổ, phương tiện vận chuyển và địa bàn nguy cơ cao

bằng vôi bột hoặc hóa chất khử trùng được phép sử dụng trong thú y theo quy định; triển khai các đợt tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phát động và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Không đưa ra khỏi cơ sở chăn nuôi đang có dịch hoặc nghi có dịch con giống, thức ăn chăn nuôi, chất độn chuồng, chất thải, xác động vật, vật tư, dụng cụ và các vật phẩm có nguy cơ mang mầm bệnh khi chưa được xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phòng bệnh bằng vắc xin

a) Hàng năm tổ chức định kỳ 02 đợt tiêm phòng chính trên cơ sở đánh giá nguy cơ, đặc điểm dịch tễ, cơ cấu đàn vật nuôi, tổng số gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng, mùa vụ, kết quả giám sát lưu hành vi rút, đánh giá hiệu lực vắc xin và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y. Đồng thời thường xuyên rà soát và thực hiện tiêm phòng bổ sung và giám sát sau tiêm phù hợp với mức độ nguy cơ, mục tiêu kiểm soát dịch bệnh và khả năng bảo đảm nguồn lực phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương.

b) Căn cứ kết quả giám sát lưu hành vi rút, loại vắc xin được phép lưu hành, đối tượng sử dụng, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Chăn nuôi và Thú y) để lựa chọn loại vắc xin phù hợp đạt hiệu quả cao.

c) Việc tiêm phòng vắc xin cần được thực hiện đồng thời với các biện pháp an toàn sinh học, giám sát, kiểm soát vận chuyển, kiểm soát giết mổ và xử lý ổ dịch bệnh động vật theo đúng quy định.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân chủ động dự trữ vắc xin, hóa chất, vật tư phục vụ phòng, chống dịch; xây dựng phương án huy động nguồn lực trong trường hợp dịch bệnh phát sinh trên diện rộng, đảm bảo việc tiêm phòng bao vây ổ dịch được thực hiện đồng bộ và khẩn cấp nhằm xử lý nhanh ngăn chặn nguy cơ dịch bệnh xâm nhiễm.

4. Giám sát dịch bệnh

a) Tổ chức giám sát dịch bệnh dựa trên nguy cơ, bao gồm: Giám sát chủ động, giám sát bị động, giám sát sau tiêm phòng, giám sát tại cơ sở chăn nuôi, chợ, điểm tập kết, cơ sở giết mổ, khu vực có nguy cơ cao, địa bàn xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh (ATDB); khi cần thiết thực hiện giám sát trên động vật hoang dã, sản phẩm động vật, môi trường chăn nuôi và các yếu tố nguy cơ khác.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y căn cứ vào tình hình dịch bệnh thực tế, nguy cơ dịch bệnh, phương thức chăn nuôi và điều kiện thực tế địa phương để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát lưu hành vi rút, giám sát sau tiêm phòng để đánh giá hiệu quả sử dụng vắc xin tại địa phương theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; phối hợp hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giám sát bị động, lấy mẫu xét nghiệm, chẩn đoán phân biệt đối với đàn vật nuôi nghi mắc bệnh, động vật tiếp xúc với động vật mắc bệnh, động vật hoang dã ốm, chết bất thường và mẫu môi trường; chủ cơ sở chăn nuôi, thú y cơ sở và các

tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm theo dõi, phát hiện, báo cáo kịp thời khi có dấu hiệu nghi ngờ dịch bệnh.

c) Tăng cường nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ thú y; phối hợp chặt chẽ thực hiện lấy mẫu, chẩn đoán, xét nghiệm; bảo đảm kết quả giám sát, xét nghiệm, giải trình tự gen, khả năng gây bệnh của vi rút CGC, LMLM, DTLCP và các dữ liệu dịch tễ liên quan phải được tổng hợp, phân tích, chia sẻ kịp thời giữa các cơ quan quản lý có liên quan từ địa phương đến trung ương để phục vụ cảnh báo sớm, đánh giá nguy cơ, xác định vùng nguy cơ, lựa chọn biện pháp phòng, chống dịch phù hợp và tham mưu chỉ đạo điều hành.

d) Đối với bệnh CGC, thực hiện cơ chế phối hợp giám sát, chia sẻ thông tin và cảnh báo nguy cơ giữa ngành Nông nghiệp và Môi trường với ngành Y tế theo chương trình, kế hoạch phối hợp hàng năm với phương pháp tiếp cận Một sức khỏe; kịp thời xử lý các tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

5. Kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y

a) Kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển nội địa đối với động vật, sản phẩm động vật theo quy định của pháp luật về thú y và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; xử lý theo quy định của pháp luật đối với các lô hàng động vật, sản phẩm động vật nhập lậu, không rõ nguồn gốc bị phát hiện, bắt giữ.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, sắp xếp, củng cố mạng lưới cơ sở giết mổ; Tăng cường quản lý hoạt động của các cơ sở giết mổ động vật tập trung; tăng cường kiểm tra, phát hiện, xử lý hành vi giết mổ trái phép, giết mổ không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y; kiểm soát chặt chẽ hoạt động giết mổ, chế biến, lưu thông, phân phối sản phẩm động vật theo quy định của pháp luật.

c) Tăng cường phối hợp liên ngành trong kiểm soát an toàn thực phẩm đối với sản phẩm động vật trong các khâu giết mổ, lưu thông, phân phối, tiêu thụ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và pháp luật có liên quan.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức thực hiện kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ động vật tập trung, tổ chức kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở giết mổ động vật trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch lấy mẫu thịt gia súc, gia cầm sử dụng làm thực phẩm tại các cơ sở giết mổ động vật để kiểm tra nhằm phát hiện các đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y như vi sinh vật gây ô nhiễm, tồn dư thuốc thú y, tồn dư chất cấm trong chăn nuôi...

6. Xử lý khi có dịch

a) Khi phát hiện ổ dịch phải tổ chức xử lý nhanh, kịp thời, triệt để theo quy định của pháp luật về thú y và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; ưu tiên phát hiện sớm, xử lý ngay từ ổ dịch đầu tiên, không để dịch bệnh lây lan diện rộng, kéo dài.

b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan liên quan xác định nguyên nhân, truy xuất nguồn lây, phạm vi ổ dịch, vùng có dịch,

vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm và tổ chức áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với từng bệnh, từng địa bàn và mức độ nguy cơ.

c) Tùy theo đặc điểm của từng bệnh và tình hình thực tế, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật như cách ly động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh; lấy mẫu xét nghiệm; tiêu hủy động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng; kiểm soát vận chuyển, kiểm soát giết mổ; quản lý sản phẩm động vật và các biện pháp kỹ thuật khác theo quy định.

d) Tăng cường các biện pháp phòng bệnh tại địa bàn giáp ranh, tuyến vận chuyển, đầu mối giao thông, cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, chuỗi sản xuất hàng hóa tập trung, khu vực có nguy cơ cao; trường hợp ổ dịch có nguy cơ lây lan liên xã, liên tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

đ) Việc công bố dịch, công bố hết dịch, hỗ trợ khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất sau dịch và các chính sách có liên quan được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật hiện hành.

7. Xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh

a) Việc xây dựng cơ sở, vùng ATDB được thực hiện theo quy định của pháp luật; gắn với tái cơ cấu ngành chăn nuôi, kiểm soát dịch bệnh bền vững, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, liên kết chuỗi giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu.

b) Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến tham gia xây dựng cơ sở, vùng ATDB theo chuỗi giá trị; ưu tiên địa bàn trọng điểm chăn nuôi, địa bàn nguy cơ cao và địa bàn có yêu cầu kiểm soát dịch bệnh chặt chẽ.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và thực hiện lộ trình phát triển cơ sở, vùng ATDB cấp xã; bố trí nguồn lực, phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện, đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh và duy trì các điều kiện.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân chăn nuôi xây dựng, duy trì và phát triển cơ sở, vùng ATDB; đôn đốc, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật xây dựng cơ sở, vùng ATDB.

8. Chẩn đoán, xét nghiệm, nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển đổi số trong công tác phòng chống dịch bệnh

a) Nâng cao năng lực chuyên môn nhân lực của cơ quan quản lý chăn nuôi và thú y bảo đảm việc thu thập, vận chuyển, lưu giữ, chia sẻ, gửi mẫu được thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y, an toàn sinh học, quản lý mẫu bệnh phẩm và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý chăn nuôi, quản lý tiêm phòng, giám sát dịch bệnh và cập nhật dữ liệu trên hệ thống VAHIS. Từng bước xây dựng phần mềm quản lý cơ sở chăn nuôi, quản lý ổ dịch, theo dõi tiêm phòng và cảnh báo nguy cơ dịch bệnh. Khuyến khích áp dụng công nghệ cảm biến

môi trường, camera giám sát, hệ thống sát trùng tự động trong chăn nuôi tập trung. Thực hiện số hóa dữ liệu dịch tễ, dữ liệu xét nghiệm, cơ sở an toàn dịch bệnh phục vụ công tác quản lý lâu dài. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thú y tỉnh với cơ quan chuyên môn Trung ương và các địa phương lân cận.

9. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong giám sát dịch bệnh, chẩn đoán xét nghiệm, phân tích nguy cơ, cảnh báo sớm, quản lý dữ liệu dịch tễ, truy xuất nguồn gốc.

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý chăn nuôi, thú y và phòng, chống dịch bệnh động vật; thực hiện cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và báo cáo theo quy định.

10. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

a) Xây dựng nội dung truyền thông nguy cơ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng loại hình truyền thông và từng bệnh; tập trung vào nguy cơ xâm nhiễm, nguy cơ tái phát dịch bệnh, khai báo dịch bệnh, chăn nuôi an toàn sinh học, tiêm phòng, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, xử lý xác động vật, không buôn bán, vận chuyển, giết mổ động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh và sản phẩm động vật không bảo đảm an toàn.

b) Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về nguy cơ, tác hại và biện pháp phòng, chống bệnh CGC, LMLM và DTLCP trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở và các hình thức truyền thông phù hợp.

c) Tổ chức tập huấn chuyên môn cho cán bộ thú y, cán bộ cấp xã, người chăn nuôi, người vận chuyển, buôn bán, giết mổ, kinh doanh sản phẩm động vật và các tổ chức, cá nhân có liên quan về giám sát, xử lý, điều tra ổ dịch, truyền thông nguy cơ và phối hợp liên ngành.

d) Đối với bệnh CGC, lồng ghép nội dung phòng ngừa phơi nhiễm ở người, truyền thông nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng và phối hợp liên ngành theo tiếp cận “Một sức khỏe”; ưu tiên nhóm có nguy cơ phơi nhiễm nghề nghiệp và nhóm có nguy cơ cao.

đ) Cung cấp kịp thời thông tin về tình hình dịch bệnh, cung - cầu, giá cả và nguồn cung thực phẩm có nguồn gốc động vật trên thị trường, nhất là trong thời điểm xảy ra dịch bệnh, thiên tai hoặc sự cố an toàn thực phẩm, góp phần ổn định thị trường, tránh gây hoang mang cho người tiêu dùng và bảo đảm lợi ích hợp pháp của cơ sở sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

e) Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu thực tế tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác chăn nuôi và thú y từ tỉnh đến cơ sở, lực lượng tham gia công tác phòng, chống dịch, đặc biệt là tuyến cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình triển khai nhiệm vụ tại cơ sở.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu	Thời gian
I	ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT THỦY SẢN			
1	Chủ động phòng, chống, khống chế các bệnh nguy hiểm ở tôm nuôi bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn tổng diện tích nuôi	%	< 10	2026 - 2030
2	Chủ động phòng, chống khống chế các bệnh ở cá bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn tổng diện tích nuôi	%	< 15	2026 - 2030
3	Chủ động phòng, chống khống chế các bệnh ở nhuyễn thể bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn tổng diện tích nuôi	%	< 5	2026 - 2030
4	Xây dựng thành công cơ sở nuôi tôm thương phẩm đạt cơ sở an toàn dịch bệnh	Cơ sở	02	2026 - 2030
5	Xây dựng thành công cơ sở sản xuất giống đạt cơ sở an toàn dịch bệnh	Cơ sở	05	2026 - 2030
II	ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN			
1	Tỷ lệ tiêm phòng cúm gia cầm trên tổng đàn thuộc diện tiêm	%	80	2026 - 2030
2	Xây dựng thành công cơ sở an toàn dịch bệnh CGC và Niu-cát-xơ	Cơ sở	01	2026 - 2030
3	Tỷ lệ số xã, phường không có bệnh DTLCP	%	> 65	2026-2030
4	Xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn an toàn bệnh DTLCP	Cơ sở	03	2026 - 2030
5	Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin VDNC trên tổng đàn thuộc diện tiêm	%	> 80	2026 - 2030
6	Tỷ lệ số xã, phường không có bệnh LMLM	%	> 95	2026 - 2030

7	Xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc an toàn dịch bệnh đối với bệnh LMLM	Cơ sở	02	2026 - 2030
8	Tỷ lệ quản lý số hộ nuôi chó, mèo và tổng đàn chó, mèo nuôi	%	> 90	2026 - 2030
9	Tỷ lệ tiêm vắc xin Đại trên tổng đàn chó, mèo	%	80	2026 - 2030
10	Xây dựng thành công vùng an toàn bệnh Đại tại xã, phường trong tỉnh	Vùng	01	2026 - 2030
11	Tỷ lệ số xã, phường không có bệnh Tai xanh trên lợn	%	> 95	2026 - 2030
12	Xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh đối với bệnh Tai xanh	Cơ sở	02	2026 - 2030

PHỤ LỤC III
DANH MỤC NỘI DUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I	CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN			
1	Công tác phòng bệnh động vật thủy sản			
a	Phòng bệnh và khống chế có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm có nguy cơ lây lan	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026 - 2030
b	Xây dựng một số cơ sở, vùng, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026 - 2030
c	Tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm bệnh thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VII; UBND cấp xã	2026 - 2030
d	Tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Viện Nuôi trồng thủy sản II TPHCM; UBND cấp xã	2026 - 2030
đ	Thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026 - 2030
2	Công tác chống dịch bệnh thủy sản (khi có dịch bệnh phát sinh) thực hiện theo quy định			
a	Cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi dịch bệnh xảy ra từ 02 xã/phường trở lên)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	Thường xuyên
b	Cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã/phường)	UBND xã, phường	Cơ quan chuyên môn thú y, thủy sản	Thường xuyên

II	CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN			
1	Công tác phòng bệnh động vật trên cạn			
a	Thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức phòng bệnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026 - 2030
b	Giám sát phòng dịch bệnh trên gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026 - 2030
c	Tiêm phòng vắc xin phòng bệnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026 - 2030
d	Kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm và kiểm tra vệ sinh thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026-2030
đ	Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2030
e	Công tác xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2030
g	Tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VII; cơ quan đánh giá ISO	2026 - 2030
h	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ bệnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Viện, Trường Đại học, Cục Chăn nuôi và Thú y; các đơn vị có liên quan	2026 - 2030
2	Công tác chống dịch bệnh động vật trên cạn (khi có dịch bệnh phát sinh) thực hiện theo quy định			
a	Cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi dịch bệnh xảy ra từ 02 xã/phường trở lên)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	Thường xuyên

b	Cấp xã (<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã/phường</i>)	UBND xã, phường	Cơ quan chuyên môn thú y, thủy sản	Thường xuyên
III	CÔNG TÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG XÂY DỰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT			
a	Thực hiện cập nhật báo cáo tình hình dịch bệnh qua Hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến (VAHIS)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	Thường xuyên
b	Tham gia tập huấn nâng cấp phần mềm quản lý dịch bệnh; ứng dụng phần mềm bản đồ quản lý dịch tễ để vẽ bản đồ dịch tễ nhằm xác định vị trí, địa điểm ổ dịch xảy ra trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thú y vùng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên